

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

QUÝ 3 NĂM 2008

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

DVT: VND

Số TT	Tài sản	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
I	Tài sản ngắn hạn	114.235.648.810	114.419.687.294
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	39.647.720.150	16.835.965.794
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	36.322.893.426	68.245.237.317
4	Hàng tồn kho	28.387.193.227	23.878.364.273
5	Tài sản ngắn hạn khác	9.857.842.007	5.440.119.910
II	Tài sản dài hạn	67.349.768.691	89.615.080.790
1	Các khoản phải thu dài hạn	45.764.061	43.438.786
2	Tài sản cố định	56.996.426.301	72.288.428.414
	Tài sản cố định hữu hình	48.598.708.605	36.688.893.448
	Tài sản cố định vô hình	-	10.020.000.000
	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8.397.717.696	25.579.534.966
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	7.533.430.000	16.150.088.925
	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	7.533.430.000	16.944.663.925
	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (cổ phiếu)		(794.575.000)
5	Tài sản dài hạn khác	2.774.148.329	1.133.124.665
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	181.585.417.501	204.034.768.084
IV	Nợ phải trả	72.713.304.087	91.275.627.621
1	Nợ ngắn hạn	69.363.325.162	90.955.764.891
2	Nợ dài hạn	3.349.978.925	319.862.730
V	Nguồn vốn chủ sở hữu	108.872.113.414	112.759.140.463
1	Vốn chủ sở hữu	107.952.289.631	110.783.346.789
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	46.694.970.000	46.694.970.000
	Thặng dư vốn cổ phần	47.990.911.925	47.990.911.925
	Cổ phiếu ngân quỹ	(1.500.000)	(56.500.000)
	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	Các quỹ	10.524.984.735	13.655.892.913
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.742.922.971	2.498.071.951
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	919.823.783	1.975.793.674
	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	919.823.783	1.975.793.674
	Nguồn kinh phí	-	-
	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	181.585.417.501	204.034.768.084

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

DVT: VND

STT	CHỈ TIÊU	Quý 3/2008	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	147.548.748.294	340.867.010.899
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	74.302.395	393.893.107
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	147.474.445.899	340.473.117.792
4	Giá vốn hàng bán	119.596.858.468	259.387.582.792
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.877.587.431	81.085.535.000
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.668.732.645	4.626.912.024
7	Chi phí tài chính	3.791.173.597	7.778.483.329
8	Chi phí bán hàng	17.313.673.948	30.786.324.265
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.283.290.713	38.810.307.248
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.158.181.818	8.337.332.182
11	Thu nhập khác	3.181.818.182	14.547.215.363
12	Chi phí khác	-	7.022.415.634
13	Lợi nhuận khác	3.181.818.182	7.524.799.729
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.340.000.000	15.862.131.911
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.379.927.500	4.366.674.279
16	Thuế thu nhập hoãn lại	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.960.072.500	11.495.457.632

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2008

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên)




Nguyễn An